

Số: 11 /QĐ-STC

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 27/09/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định 2884/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-STC ngày 04/01/2021 của Sở Tài chính Kiên Giang về việc thẩm tra phân bổ kinh phí chi ngân sách nhà nước năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

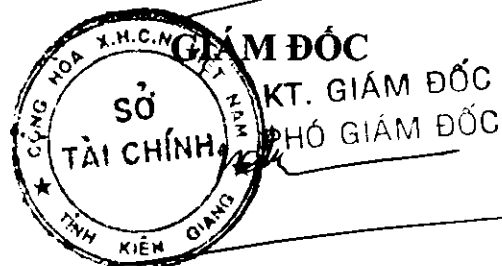
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang (theo biểu số 2 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



**Nguyễn Quốc Khởi**

**Đơn vị: Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang**  
**Chương: 418**

Biểu số 2  
(Kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

## **DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài chính)

*ĐVT: Đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>11.250.000.000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.856.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	900.000.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	1.494.000.000
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động sự nghiệp tài chính</b>	<b>1.805.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13.055.000.000</b>